

Số: 106 /ĐA-UBND

Tân Gianh, ngày 23 tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại các Thôn trên địa bàn xã Tân Gianh

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Trên cơ sở Phương án tổng thể số 2856/PA-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; UBND xã Tân Gianh xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;
- Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

7. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

9. Công văn số 2616/UBND-NC ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố;

10. Phương án tổng thể số 2856/PA-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

11. Công văn số 2322/SNV-XDCQ ngày 22/5/2026 của Sở Nội vụ về việc đề xuất phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố;

12. Công văn số 2796/SNV-XDCQ ngày 10/6/2026 của Sở Nội vụ về việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

II. SỰ CẦN THIẾT

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đang được triển khai trên phạm vi cả nước.

Xã Tân Gianh, tỉnh Quảng Trị chính thức được thành lập theo Nghị quyết 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Thanh, Liên Trường, Phù Cảnh. Xã Tân Gianh có tổng diện tích tự nhiên là 41,05 km². Toàn xã có 24 thôn, với 5.675 hộ gia đình, 22.268 nhân khẩu.

Trong những năm qua, hệ thống các thôn trên địa bàn xã Tân Gianh đã từng bước được củng cố, góp phần quan trọng trong việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Tuy nhiên, qua rà soát thực tế cho thấy một số thôn còn tồn tại những hạn chế như: quy mô dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định; địa bàn dân cư phân tán, không đồng đều; quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ; công tác quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ thôn còn gặp khó khăn; hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tiêu chuẩn quy mô thôn; đồng thời phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, đi lại, sản xuất của Nhân dân đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiến hành sắp xếp lại các thôn trên địa bàn.

Việc sắp xếp các thôn nhằm mục tiêu: Bảo đảm quy mô dân số, số hộ phù hợp theo quy định, tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở thôn. Thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và tổ chức các phong trào tại địa phương, phát huy hiệu quả nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đáp ứng nguyện vọng và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Phần II

HIỆN TRẠNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN

1. Đánh giá chung

a) Về tình hình kinh tế - xã hội:

Xã Tân Gianh có tổng diện tích tự nhiên 41,05 km², trên địa bàn xã có 24 Thôn với 5.675 hộ gia đình, quy mô dân số 22.268 nhân khẩu.

Về địa giới hành chính xã Tân Gianh: Phía Bắc giáp xã Trung Thuần và xã Quảng Trạch; Phía Nam giáp xã Nam Ba Đồn; Phía Đông giáp với Phường Ba Đồn; Phía Tây giáp với xã Tuyên Hóa.

Tình hình kinh tế - xã hội của xã Tân Gianh cơ bản ổn định và có bước phát triển tương đối toàn diện trên các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp nhưng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo trong đời sống và thu nhập của người dân. Sản xuất nông nghiệp cơ bản ổn định, bảo đảm diện tích gieo trồng, năng suất cây trồng và duy trì tổng đàn vật nuôi; hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản tiếp tục được duy trì.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được duy trì; an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo được quan tâm thực hiện hiệu quả. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, góp phần tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, địa phương vẫn còn gặp một số khó khăn như tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức nhất định, hạ tầng một số khu vực chưa đồng bộ, nguy cơ thiên tai, bão lũ ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của Nhân dân.

Xã Tân Gianh có diện tích tự nhiên tương đối lớn, địa bàn trải dài, bao gồm khu vực đồng bằng, gò đồi và vùng ven sông, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đa dạng các ngành kinh tế như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và thương mại dịch vụ. Quỹ đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở dân cư cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của xã từng bước được đầu tư đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông, trường học, cơ sở y tế, điện, nước sinh hoạt và các công trình công cộng. Các công trình giao thông liên thôn, giao thông nội đồng, trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp. Hệ thống giao thông trên địa bàn cơ bản thuận lợi, có các tuyến đường liên xã, liên thôn kết nối với các khu dân cư, vùng sản xuất và trung tâm hành chính. Một số tuyến đường trọng điểm kết nối với tuyến quốc lộ như tuyến đường Quốc lộ 12 A, Tuyến giao với Đường cao tốc, tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và giao thương của người dân. Tuy nhiên, vào mùa mưa bão, một số tuyến đường giao thông nông thôn và khu vực trũng thấp vẫn bị ảnh hưởng, gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa.

Dân số xã phân bố tương đối ổn định tại các khu dân cư, bảo đảm nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Quy mô hộ gia đình tương đối lớn, dân cư sinh sống tập trung tại các thôn, thuận lợi cho tổ chức quản lý hành chính và triển khai các chính sách an sinh xã hội, giáo dục, y tế và xây dựng nông thôn mới. Dân cư trên địa bàn phân bố chủ yếu theo các cụm dân cư tại các thôn, tập trung dọc theo các tuyến giao thông chính, khu vực sản xuất và ven sông. Việc phân bố dân cư cơ bản phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán sinh sống, thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, tổ chức sản xuất, giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Người dân trên địa bàn có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, giàu tình thân yêu nước và giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương. Các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa được triển khai hiệu quả; nhiều lễ hội truyền thống, hoạt động văn hóa, thể thao được duy trì thường xuyên.

Trên địa bàn chủ yếu là dân tộc Kinh sinh sống, đoàn kết, tương trợ nhau phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng phong phú, hơn 42% người dân theo đạo Công giáo (trên địa bàn có 04 Giáo xứ và 20 Giáo họ), một phần ít nhân dân tham gia tín ngưỡng Phật giáo (trên địa bàn có Chùa Ngọa Cương và Chùa Động Côm)... Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra bình thường, đúng quy định pháp luật. Các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động ổn định, góp phần giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

b) Về hoạt động của thôn, tổ dân phố:

Khi đi vào hoạt động, xã Tân Gianh đã thực hiện tiếp nhận và bố trí công tác cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn. Tính đến thời điểm hiện nay toàn xã có 24 thôn với 72 người hoạt động không chuyên trách ở Thôn gồm Bí thư, Trưởng Thôn, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn.

Tổ chức và hoạt động của thôn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra của chính quyền địa phương tiếp tục có sự đổi mới, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn xã.

Cộng đồng dân cư ở thôn bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

Nhìn chung, tổ chức và hoạt động của các thôn trên địa bàn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra tiếp tục có sự đổi mới, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn xã.

Tuy nhiên, số Thôn hiện nay còn quá nhiều, trong khi quy mô số hộ gia đình nhiều Thôn còn ít, một số thôn mới có hơn 100 hộ. Với số lượng Thôn đông, việc quản lý nhà nước trên địa bàn xã cũng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: việc triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của cấp trên đến từng thôn phải qua nhiều đầu mối, làm tăng thời gian tổ chức thực hiện, khó bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và kịp thời; việc bố trí kinh phí cho nhà văn hóa, khu thể thao, hệ thống truyền thanh, giao thông nội thôn, điện chiếu sáng, vệ sinh môi trường... còn dàn trải, thiếu tập trung, dẫn đến hiệu quả đầu tư chưa cao; một số thôn quy mô nhỏ, nguồn lực hạn chế nên việc huy động xã hội hóa, tổ chức phong trào văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới còn gặp khó khăn, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh...

2. Hiện trạng cụ thể

2.1. Về số lượng thôn

- Toàn xã hiện có 24 thôn.

- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã là 5.675 hộ; bình quân 236 hộ/ Thôn.
- Số lượng thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình¹: 04 thôn, chiếm tỷ lệ 16,67 %;
- Số lượng thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình: 20 thôn, chiếm tỷ lệ 83,33%.

2.2. Về người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã hiện nay 72 người (Trong đó: 24 Bí thư chi bộ, 24 Trưởng thôn, 24 Trưởng ban Công tác Mặt trận).

- Tổng số người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn trên địa bàn xã hiện nay 212 người gồm Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, Y tế thôn, Trưởng các Chi hội ở Thôn.

Cụ thể như sau:

TT	Tên thôn, TDP	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (đánh dấu "X")		Số người hoạt động không chuyên trách (ghi số "1" nếu có, trường hợp kiêm nhiệm đề nghị ghi rõ tại cột ghi chú)			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn	Trưởng ban Công tác MT		
1	Thôn Tân An	369	x		1	1	1		
2	Thôn Phù Ninh	622	x		1	1	1		
3	Thôn Thanh Sơn	282		x	1	1	1		
4	Thôn Đông Phúc	186		x	1	1	1		

¹ Theo quy định về tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: "Ở vùng Bắc Trung bộ: Thôn phải có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên".

TT	Tên thôn, TDP	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (đánh dấu "X")		Số người hoạt động không chuyên trách (ghi số "1" nếu có, trường hợp kiêm nhiệm đề nghị ghi rõ tại cột ghi chú)			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn	Trưởng ban Công tác MT		
5	Thôn Thu Trường	114		x	1	1	1		
6	Thôn Thuận Hòa	203		x	1	1	1		
7	Thôn Hạ Trường	187		x	1	1	1		
8	Thôn Xuân Trường	238		x	1	1	1		
9	Thôn 5	387	x		1	1	1		
10	Thôn 4	268		x	1	1	1		
11	Thôn 3	120		x	1	1	1		
12	Thôn 2	117		x	1	1	1		
13	Thôn 1	231		x	1	1	1		
14	Thôn Tân Thị	450	x		1	1	1		
15	Thôn Kinh Nhuận	119		x	1	1	1		
16	Thôn Ngọa Cương	177		x	1	1	1		
17	Thôn Cấp Sơn	221		x	1	1	1		
18	Thôn Thượng Thọ	137		x	1	1	1		
19	Thôn Vịnh Thọ	150		x	1	1	1		
20	Thôn Trung Tiến	268		x	1	1	1		
21	Thôn Hậu Thành	165		x	1	1	1		
22	Thôn Phú Cường	185		x	1	1	1		

TT	Tên thôn, TDP	Quy mô số hộ gia đình	Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (đánh dấu "X")		Số người hoạt động không chuyên trách (ghi số "1" nếu có, trường hợp kiêm nhiệm đề nghị ghi rõ tại cột ghi chú)			Số người trực tiếp tham gia hoạt động	Ghi chú
			Đảm bảo	Chưa đảm bảo	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn	Trưởng ban Công tác MT		
23	Thôn Trường Long	266		x	1	1	1		
24	Thôn Trường Xuân	213		x	1	1	1		
	Tổng cộng	5.675	4	20	24	24	24		

3. Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện sắp xếp

3.1. Thuận lợi:

Hệ thống tổ chức thôn được kiện toàn, hoạt động tương đối ổn định, đội ngũ trưởng thôn, ban công tác mặt trận cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhân dân đoàn kết, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới. Công tác quản lý dân cư, triển khai chủ trương, chính sách được thực hiện kịp thời.

Các thôn cơ bản ổn định về địa giới, tổ chức bộ máy và đi vào hoạt động nền nếp, góp phần tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh tại địa phương.

3.2. Khó khăn

Một số thôn có quy mô dân số, số hộ chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, có thôn diện tích rộng, dân cư phân tán, gây khó khăn trong công tác quản lý; ngược lại có thôn quy mô nhỏ, manh mún. Việc phân bố các thôn chưa thật sự hợp lý, chưa phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay, hoạt động của một số thôn còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Đội ngũ cán bộ thôn kiêm nhiệm nhiều việc, chế độ chính sách còn khó khăn.

Quy mô dân số thấp dẫn đến hạn chế nguồn lực nội tại của thôn. Nhiều thôn có ít hộ dân, dân số thấp nên khả năng huy động nguồn lực xã hội hóa, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, duy trì các hoạt động cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn. Việc đầu tư nhà văn hóa, sân thể thao, hệ thống loa truyền thanh, điện chiếu sáng, cảnh quan môi trường tại một số thôn chưa phát huy hết hiệu quả sử dụng do quy mô dân cư nhỏ. Mặc dù quy mô dân số ít nhưng các thôn vẫn phải bố trí đầy đủ người hoạt động không chuyên trách như trưởng thôn, ban công tác mặt trận, chi hội đoàn thể... làm cho bộ máy phân tán, tăng đầu mối quản lý. Một số thôn gặp khó khăn trong công tác tạo nguồn cán bộ, người có năng lực, uy tín để tham gia công tác ở khu dân cư.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

Việc xây dựng Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc, yêu cầu quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg và các tiêu chí của thôn, tổ dân phố tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

1. Nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại thôn

a) Việc sắp xếp thôn phải bảo đảm phù hợp với tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ và yêu cầu quản lý của địa phương khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Thôn được tổ chức ở xã; tổ dân phố được tổ chức ở phường. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì có thể tổ chức tổ dân phố ở xã phù hợp với thực tiễn địa phương².

c) Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

d) Tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình:

- Thôn phải có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên.

² Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

- Đối với thôn thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn; thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, cách cồn, cách núi, cách sông, giao thông đi lại khó khăn; thôn nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông, địa hình cách trở, thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; thôn có dân cư sinh sống phân tán, rải rác (quy mô diện tích có hộ gia đình sinh sống quá lớn); thôn ở địa bàn biên giới hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn có văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng đặc thù... thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định trên.

đ) Đối với thôn đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã (nghĩa là hiện nay thôn này thuộc quản lý hành chính của một xã nhưng nằm trong địa giới hành chính của xã khác) thì thống nhất thực hiện việc chuyển giao cộng đồng dân cư theo đúng địa giới hành chính để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

2. Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn

2.1. Phương án sắp xếp, tổ chức lại

Sau sắp xếp, từ 24 Thôn cũ được sắp xếp lại thành 12 Thôn (giảm 50% số thôn), phù hợp với yêu cầu tinh gọn, hiệu quả theo định hướng của Trung ương về tổ chức hoạt động bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

TT	HIỆN TRẠNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI			Lý do, sự cần thiết (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)	
	Tên thôn	Số hộ	Tên thôn sau sắp xếp	Phương án cụ thể	Số hộ		
1	Thôn Tân An	369	Thôn Tân An	Giữ nguyên	369		
2	Thôn Phù Ninh	622	Thôn Phù Ninh	Giữ nguyên	622		

3	Thôn Thanh Sơn	282	Thôn Thanh Trường	Nhập thôn Thanh Sơn và Xóm Phúc Trường của Thôn Đông Phúc thành thôn mới.	356		
4	Một phần của thôn Đông Phúc	74		Nhà văn hóa Thôn Thanh Sơn			
5	Phần còn lại thôn Đông Phúc	112	Thôn Quảng Trường	Nhập Thôn Thuận Hòa, Thu Trường và phần còn lại của Thôn Đông Phúc (Xóm Đông Trường) thành thôn mới.	429		
6	Thôn Thu Trường	114					
7	Thôn Thuận Hòa	203					
8	Thôn Hạ Trường	187	Thôn Tiên Lương	Nhập Thôn Xuân Trường và Thôn Hạ Trường thành thôn mới.	425		
9	Thôn Xuân Trường	238					
10	Thôn 5	387	Thôn Quảng Liên	Nhập Thôn 5 và Đội 6 của Thôn 4 thành thôn mới.	527		
11	Một phần của thôn 4	140					
12	Phần còn của lại thôn 4	128	Thôn Tiên Lang	Nhập Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3 và Một phần còn lại của	596		
13	Thôn 3	120					

14	Thôn 2	117		Thôn 4 (Đội 5) thành thôn mới.		
15	Thôn 1	231		Nhà văn hóa thôn 2		
16	Thôn Tân Thị	450	Thôn Phú Nhuận	Nhập Thôn Tân Thị và Thôn Kinh Nhuận thành thôn mới.	569	
17	Thôn Kinh Nhuận	119		Nhà văn hóa Thôn Tân Thị.		
18	Thôn Ngọa Cương	177	Thôn Cảnh Hóa	Nhập Thôn Ngọa Cương và Thôn Cấp Sơn thành thôn mới.	398	
19	Thôn Cấp Sơn	221		Nhà văn hóa thôn Cấp Sơn		
20	Thôn Thượng Thọ	137	Thôn Phù Cảnh	Nhập Thôn Thượng Thọ, Vịnh Thọ và Thôn Trung Tiến thành thôn mới. Nhà văn hóa thôn Vịnh Thọ	555	
21	Thôn Vịnh Thọ	150				
22	Thôn Trung Tiến	268				
23	Thôn Hậu Thành	165	Thôn Phú Thành	Nhập Thôn Hậu Thành và Thôn Phú Cường thành thôn mới.	350	
24	Thôn Phú Cường	185				

				Nhà văn hóa thôn Hậu Thành		
25	Thôn Trường Long	266	Thôn Phù Hóa	Nhập Thôn Trường Long và Thôn Trường Xuân thành thôn mới.	479	
26	Thôn Trường Xuân	213		Nhà văn hóa thôn Trường Long.		
Tổng	24	5.675	12		5.675	

2.2. Sau sắp xếp, tổ chức lại

- Sau sắp xếp, toàn xã có 12 thôn, giảm 12 thôn so với trước sắp xếp, đạt tỷ lệ 50 %.

- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã 5.675 hộ; bình quân 472 hộ/thôn, tăng so với trước sắp xếp 100 % .

- Số lượng thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình 12 thôn, chiếm tỷ lệ 100 %; tăng so với trước sắp xếp 83,33 %;

- Số lượng thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình 0 thôn, chiếm tỷ lệ 0 %; giảm so với trước sắp xếp 83,33%.

2.3. Sắp xếp các chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các chi hội, các tổ chức đoàn thể và Trưởng thôn.

- Bí thư Chi bộ: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Bí thư Chi bộ.

- Trưởng thôn: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Trưởng thôn.

- Trưởng ban Công tác Mặt trận: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Trưởng ban Công tác Mặt trận.

- Chi hội trưởng Chi hội Nông dân: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Chi hội trưởng Chi hội Nông dân.

- Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.

- Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ.

- Bí thư Chi đoàn: 01 người/thôn; tổng cộng có 12 Bí thư Chi đoàn.

2.4. Điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp

- Về nhân sự:

+ Sau sắp xếp, đảm bảo số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: không quá 03 người, gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn; Trưởng ban Công tác Mặt trận.

+ Ngoài ra, bố trí người tham gia hoạt động ở thôn gồm Tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở, Thôn đội trưởng, Chi hội trưởng Hội Chữ thập đỏ, Chi hội trưởng Hội khuyến học, Chi hội trưởng Hội Người Cao tuổi... để hỗ trợ, thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư.

+ Tại các thôn được sắp xếp, tổ chức lại, UBND xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn lâm thời.

- Về kinh phí: Đảm bảo kinh phí hoạt động đối với thôn mới sau sáp nhập (sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm tài sản cần thiết và chi trả chế độ chính sách có liên quan...).

- Nhà Văn hóa thôn: rà soát, bố trí nhà Văn hóa thôn sau sắp xếp, tổ chức lại thôn. Ưu tiên việc đi lại, hợp thuận tiện, cơ sở vật chất, hạ tầng cơ bản đảm bảo.

- Hương ước, quy ước của thôn: Rà soát và xây dựng lại phù hợp với điều kiện thôn mới và các quy định của pháp luật.

- Quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn với Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hướng dẫn quy chế phối hợp.

3. Phương án bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp thôn; người tham gia trực tiếp hoạt động ở thôn

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách trước khi sắp xếp 72 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách được tiếp tục bố trí 36 người, giảm 36 người, tương đương 50% (có phương án bố trí cụ thể).

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách đề xuất giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP: 36 người; lộ trình thực hiện đến trước ngày 30/6/2026.

- Số lượng người tham gia trực tiếp hoạt động ở thôn gồm các chức danh Bí thư Đoàn thanh niên, Chi Hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi Hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi Hội trưởng Chi hội Nông dân, Phó Trưởng thôn, An ninh cơ sở, Y tế thôn: 84 người, giảm 128 người, tương đương 60,38 %.

4. Đánh giá hiệu quả sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn

- Quá trình sắp xếp đảm bảo tính liên kết tổng thể của các Thôn mới, diện tích khu vực dân cư của các Thôn mới sau sắp xếp cơ bản bằng nhau, không có Thôn nào có khu vực dân cư quá dài hoặc quá rộng.

- Sắp xếp Thôn mới phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hoá, truyền thống của nhân dân của các Thôn cũ trước đây.

- Tinh gọn bộ máy: Giảm đáng kể số lượng đầu mối thôn. Đồng thời, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

- Tiết kiệm ngân sách: Giảm áp lực chi trả phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước.

- Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở: Quy mô thôn lớn hơn đòi hỏi và lựa chọn được những cán bộ trẻ hơn, có năng lực, uy tín và khả năng ứng dụng công nghệ tốt hơn để quán xuyến địa bàn.

- Tập trung nguồn lực đầu tư: Thôn mới có quỹ đất và quy mô dân số lớn hơn, giúp dễ dàng tích hợp quy hoạch cơ sở hạ tầng, giao thông và các công trình phúc lợi công cộng.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Trước ngày 16/6/2026: UBND xã hoàn thành việc rà soát hiện trạng, thống kê số hộ dân và xây dựng xong dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn.

- Từ ngày 17/6/2026 đến trước ngày 21/6/2026: Tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân về Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn.

- Từ ngày 21/6/2026 đến trước ngày 24/6/2026: Tiếp thu ý kiến người dân, giải trình, hoàn thiện hồ sơ chính thức trình Hội đồng nhân dân xã.

- Từ ngày 25/6/2026 đến trước ngày 28/6/2026: Trình HĐND xã xem xét, thông qua Đề án sắp xếp thôn theo thẩm quyền.

- Từ ngày 28 đến ngày 30/6/2026: Hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cấp có thẩm quyền; chuẩn bị công bố, bàn giao và kiện toàn tổ chức sau khi Đề án được thông qua.

- Trước ngày 30/6/2026:

+ HĐND xã tổ chức kỳ họp, xem xét và chính thức ban hành Nghị quyết thông qua Đề án sắp xếp thôn.

+ Hoàn thành đồng bộ với việc giải quyết chế độ chính sách cho nhân sự nghỉ việc.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Tham mưu UBND xã xây dựng Đề án trình Đảng ủy xin chủ trương thực hiện Phương án sắp xếp các thôn trên địa bàn xã.

- Tham mưu UBND xã xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp các thôn trên địa bàn xã.

- Triển khai đến thôn tổ chức hội nghị của các thôn lấy ý kiến nhân dân về Đề án sắp xếp các thôn, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Báo cáo Thường trực Đảng ủy kết quả họp thôn và trình HĐND thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết.

- Tham mưu UBND xã dự trù kinh phí thực hiện.

2. Phòng Kinh tế:

- Tham mưu Phương án quản lý, sử dụng nhà văn hóa, công trình phúc lợi, trang thiết bị và tài sản sau sắp xếp; đề xuất xử lý đối với nhà văn hóa dôi dư, chưa sử dụng hoặc thôn chưa có nhà văn hóa.

- Phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội báo cáo chi tiết về quy mô diện tích, sơ đồ của các thôn sau khi thực hiện Phương án sắp xếp các thôn.

- Thẩm định dự toán và tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã:

- Phối hợp chuẩn bị hồ sơ trình HĐND xã; tham mưu chương trình kỳ họp HĐND xã xem xét, thông qua Đề án sắp xếp thôn.

- Hướng dẫn việc tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ lấy ý kiến, gồm kế hoạch, danh sách cử tri, phiếu lấy ý kiến, biên bản hội nghị, biên bản kiểm phiếu, báo cáo tổng hợp và tài liệu liên quan.

4. Công an xã:

- Chủ trì cung cấp số liệu số hộ, số khẩu; Phối hợp rà soát, đối chiếu dữ liệu dân cư, số hộ, số nhân khẩu, tình trạng cư trú tại các thôn; hỗ trợ xác định danh sách cử tri đại diện hộ gia đình khi cần thiết.

- Chủ động nắm tình hình an ninh, trật tự trước, trong và sau quá trình lấy ý kiến; kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh, không để hình thành điểm nóng ở cơ sở.

- Phối hợp cập nhật thông tin địa bàn dân cư sau khi phương án sắp xếp được cấp có thẩm quyền thông qua.

5. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam xã:

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết của việc sắp xếp thôn.

- Giám sát quá trình tổ chức lấy ý kiến bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng; kịp thời phản ánh các kiến nghị chính đáng của Nhân dân đến UBND xã.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Công tác Mặt trận và các chi hội, đoàn thể ở thôn phối hợp tổ chức hội nghị, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu và tổng hợp ý kiến.

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xây dựng nội dung tuyên truyền về Đề án sắp xếp thôn bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, đúng trọng tâm; tập trung làm rõ sự cần thiết, phương án sắp xếp, tên gọi dự kiến, quyền và trách nhiệm của cử tri đại diện hộ gia đình trong việc tham gia ý kiến.

- Tổ chức tuyên truyền thường xuyên trên hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, bảng tin, pano, áp phích, nhóm thông tin cộng đồng và các kênh thông tin phù hợp khác; bảo đảm thông tin được chuyển tải kịp thời đến từng thôn, nhất là các địa bàn có điều chỉnh ranh giới, tên gọi hoặc nhà văn hóa sau sắp xếp.

- Phối hợp với các thôn thông báo thời gian, địa điểm, hình thức lấy ý kiến; hướng dẫn Nhân dân tiếp cận tài liệu, phiếu lấy ý kiến và phản ánh kịp thời các ý kiến, kiến nghị, vấn đề phát sinh trong quá trình tuyên truyền về UBND xã để xem xét, giải quyết.

- Tổng hợp tình hình tuyên truyền, dư luận Nhân dân và những nội dung cần tiếp tục giải thích, vận động; báo cáo UBND xã trước, trong và sau thời gian tổ chức lấy ý kiến.

7. Đối với các thôn:

- Trực tiếp tuyên truyền, giải thích để Nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết và nội dung Đề án sắp xếp; lập danh sách cử tri đại diện hộ gia đình, chuẩn bị địa điểm, tài liệu và điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị lấy ý kiến.

- Tổ chức hội nghị cử tri bảo đảm dân chủ, công khai, đúng đối tượng; lập biên bản, tổng hợp kết quả, gửi UBND xã (*qua phòng Văn hóa - Xã hội*) đúng thời gian quy định.

- Phối hợp bàn giao hồ sơ, sổ sách, tài sản, quỹ, nhà văn hóa, hương ước, quy ước và các nội dung liên quan; tham gia kiện toàn tổ chức, ổn định hoạt động của thôn sau sắp xếp.

8. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án:

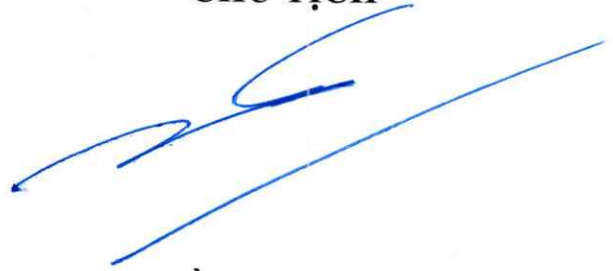
Sử dụng nguồn kinh phí theo quy định.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Tân Gianh, tỉnh Quảng Trị./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
 - Sở Nội vụ;
 - TT Đảng ủy;
 - TT HĐND;
- } B/c
- CT, các PCT UBND xã;
 - UBMTTQVN xã;
 - Các Ban và Vp Đảng ủy;
 - Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
 - 24 Thôn;
 - Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Hải